

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Bản án số: 37/2017/HSST

Ngày 15/6/2017.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiến Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tòng Văn Quân.

2. Bà Nguyễn Thu Hiền.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Nguyễn Thị Bảy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 38/2017/HSST ngày 22/5/2017 đối với bị cáo:

Quàng Văn T (Tên gọi khác: Không) - Sinh năm: 1993.

Nơi sinh: Xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản K, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12 PT.

Con ông: Quàng Văn S; sinh năm: 1960 và bà Quàng Thị Đ; sinh năm: 1963.

Bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt từ ngày 21/02/2017 đến ngày 25/02/2017 thì có lệnh tạm giam từ đó cho đến nay. Có mặt.

Người bào chữa của bị cáo: Bà Trần Thị Sáu, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Lò Văn T, sinh năm 1986.

Trú quán: Bản K, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Quảng Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 21 tháng 02 năm 2017, Quảng Văn T cầm theo một triệu đồng đi bộ sang nhà Lò Văn Th (Là cậu ruột của T ở cùng bản) rủ Th đi sang huyện Đ chơi. Th đồng ý và lấy xe máy của gia đình mình chở T đến bản người Mông thuộc xã X1, huyện Đ thì gặp một người đàn ông dân tộc Mông (Không biết tên, địa chỉ). T bảo Th dừng xe lại và đứng đợi bên lề đường. T một mình đi đến trao đổi với người đàn ông dân tộc Mông rồi mua được 01 gói bằng lá chuối khô bên trong có 03 gói nilon gồm: 01 gói nhỏ nghi là Hêrôin và 02 gói có 14 viên nén màu hồng nghi là ma túy tổng hợp với giá một triệu đồng, mục đích để sử dụng cho bản thân. Sau đó, T quay về chỗ Th và bảo Th tới rồi không đi chơi nữa nên Th quay xe máy chở T về nhà theo đường cũ. Khi đi đến bản C, xã X1, huyện Đ thì bị tổ công tác Công an huyện Đ phát hiện, bắt quả tang thu giữ toàn bộ số ma túy mà Quảng Văn T vừa mua được.

Tại biên bản mở niêm phong, xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định ngày 22/02/2017, cơ quan điều tra Công an huyện Đ xác định trọng lượng vật chứng thu giữ của Quảng Văn T gồm: Số chất bột màu trắng dạng nén nghi Hêrôin có trọng lượng là 3,44 gam. Trích lấy 0,2 gam gửi giám định. 14 viên nén màu hồng nghi chất ma túy tổng hợp có trọng lượng 1,32 gam. Trích lấy 0,29 gam gửi giám định.

Tại kết luận giám định số: 283/GĐ-PC54 ngày 17/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Mẫu chất bột màu trắng gửi giám định là chất ma túy loại Hêrôin và viên nén màu hồng gửi giám định là chất ma túy loại Methamphetamine. Không hoàn trả lại mẫu vật sau khi giám định.

Tại Cáo trạng số: 23/QĐ-VKS-HS ngày 20 tháng 5 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên truy tố Quảng Văn T về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện VKSND huyện Đ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo T cả về tội danh và điều luật áp dụng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội. Xử phạt bị cáo Quảng Văn T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự, Điều 76 của BLTTHS tịch thu và tiêu hủy toàn bộ vật chứng của vụ án. Ngoài ra, bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa của bị cáo cho rằng Cáo trạng truy tố bị cáo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” là có căn cứ. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, điều kiện,

hoàn cảnh phạm tội của bị cáo; phạm tội chỉ có tính chất đơn lẻ, trọng lượng ma túy không lớn. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và miễn án phí HSST cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo và lời khai của bị cáo;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa bị cáo Quàng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Hội đồng xét xử xét thấy rằng:

Xét về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Quàng Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cụ thể: Vào khoảng 16 giờ, ngày 21/02/2017, bị cáo có rủ Lò Văn Th là cậu ruột của bị cáo đến huyện Đ chơi và đã mua được 3,44 gam Hêrôin và 1,32 gam Methamphetamine với giá 1.000.000đ, mục đích mang về sử dụng. Việc mua bán Hêrôin và Methamphetamine Lò Văn Th không biết. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, bị cáo bị tổ công tác Công an huyện Đ bắt quả tang cùng với vật chứng của vụ án khi đang trên đường vận chuyển ma túy về nhà để sử dụng. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với nội dung bản Cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Quàng Văn T đã có hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” được quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: “*Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm*”.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, đồng thời, còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn huyện nhà.

Bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp và là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự do lỗi của bị cáo gây ra.

Xét về tính chất, mức độ phạm tội: Tuy chỉ mang tính chất giản đơn nhưng rất nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp nghiêm trọng. Bị cáo luôn nhận thức được tác hại của chất ma túy không những hủy hoại sức khỏe của con người mà còn là nguyên nhân trực tiếp làm gia tăng các loại tội phạm khác. Song, bị cáo vẫn bất chấp tất cả, coi thường kỷ cương phép nước, miễn sao có lợi cho cá nhân bị cáo.

Xét về nhân thân: Bị cáo xuất thân từ gia đình nông dân thuần túy, được bố mẹ nuôi dưỡng trưởng thành học hết lớp 9/12 PT thì bỏ học ở nhà lao động sản xuất. Chưa xây dựng gia đình. Năm 2016 nghiện chất ma túy. Ngày 21/02/2017 bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo là một thanh niên trẻ, khỏe, có trình độ văn hóa nhất định, lẽ ra, phải biết tu chí làm ăn lương thiện, là chỗ dựa cho bố mẹ, họ hàng noi theo mới phải. Song, bị cáo lại không làm được như vậy, mà chỉ thích ăn chơi, đua đòi, lười lao động, nghiện chất ma túy. Từ đó, dẫn thân vào con đường phạm tội và phải đứng trước vành móng ngựa như ngày hôm nay chịu sự trừng phạt của pháp luật là điều tất yếu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát ngoài việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Còn đề nghị áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và buộc bị cáo phải 200.000đ chịu án phí HSST.

Hội đồng xét xử xét thấy việc áp dụng ông nội của bị cáo là người có công với Cách mạng là chưa phù hợp với điểm x khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015. điểm x khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 chỉ áp dụng đối với cha, mẹ, vợ, chồng, con của bị cáo. Do vậy, chỉ áp dụng khoản 2 Điều 46 của BLHS cho bị cáo là phù hợp. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn áp phí hình sự sơ thẩm theo quy định Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Cũng tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như điểm p khoản 1, 2 Điều 46; về nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo; phạm tội chỉ có tính chất đơn lẻ, trọng lượng ma túy không lớn. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt 24 tháng tù đối với bị cáo về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Hội đồng xét xử xét thấy tính chất mức độ, động cơ, mục đích phạm tội và tổng trọng lượng hai loại chất ma túy thu giữ của bị cáo T là 4,76 gam, sắp xỉ đến đầu khung khoản 2 Điều 194 của BLHS. Cho nên, mức hình phạt phải cao hơn đề nghị của người bào chữa thì phù hợp hơn.

Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình; ông nội của bị cáo là người có công với cách mạng. Đây là, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Đồng thời, theo Nghị quyết số: 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; Nghị quyết số: 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và công văn số: 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao về áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù,

nhẹ hơn so với khung hình phạt tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, sẽ căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định có lợi cho bị cáo là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay.

Song, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục cũng như cai nghiện cho bị cáo sau này trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Trong quá trình điều tra xác minh tài sản thì bị cáo Quảng Văn T hiện đang sống chung với bố mẹ, chưa có vợ và cuộc sống sinh hoạt phụ thuộc vào bố mẹ. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

Về vật chứng vụ án: Gồm 3,44 gam Hêrôin và 1,32 gam Methamphetamine là hàng quốc cấm, cần tịch thu và tiêu hủy toàn bộ.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen - trắng loại bàn phím cứng, số IMEL 1: 301014110493712 Số IMEL 2: 301014110493720 đã thu giữ của bị cáo. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cho nên, cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

Đối với một xe máy nhãn hiệu HONDA, BLADE màu sơn đỏ-đen; biển kiểm soát 27B1-291.73 mang tên: Lò Văn P; số khung PLHJA 3613EY 015670; số máy JA36E-0049365. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định chiếc xe máy trên do anh Lò Văn Th mua bán hợp pháp mặc dù chưa sang tên đổi chủ theo quy định. Đây là, tài sản hợp pháp của anh Lò Văn Th không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T. Do đó, cần trả lại cho anh Lò Văn Th được quyền quản lý, sử dụng và đề nghị anh Th làm thủ tục sang tên, đổi chủ theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với người đàn ông dân tộc Mông đã bán Hêrôin cho bị cáo. Do bị cáo không biết tên tuổi, địa chỉ nên không có cơ sở làm rõ. Hội đồng xét xử không đề cập xử lý trong vụ án này.

Đối với anh Lò Văn Th là người đã dùng xe máy của gia đình mình chở bị cáo T đi mua ma túy về sử dụng. Mặc dù anh Th vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã xác định được anh Th không liên quan đến hành vi mua, tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo T. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý trong vụ án này.

Về án phí: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo chịu 200.000đ án phí HSST. Tuy nhiên, bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số đang cư trú tại xã X, huyện M nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là đối

tượng nghiện chất ma túy. Vì vậy, áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Quàng Văn T (tên gọi khác: Không) phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số: 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; Nghị quyết số: 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và công văn số: 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo **Quàng Văn T** 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 21/02/2017).

2. Về vật chứng vụ án:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng Hình sự tịch thu và tiêu hủy 3,44 gam Hêrôin và 1,32 gam Methamphetamine. Đã giám định hết 0,2 gam Hêrôin và 0,29 gam Methamphetamine. Còn lại 3,24 gam Hêrôin và 1,03 gam Methamphetamine.

- Áp dụng khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

+ Trả lại cho bị cáo Quàng Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen-trắng loại bàn phím cứng, số IMEL 1: 301014110493712 Số IMEL 2: 301014110493720.

+ Trả lại cho anh Lò Văn Th, sinh năm 1986, trú tại bản Khén, xã Xuân Lao, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, BLADE màu sơn đỏ-đen; biển kiểm soát 27B1-291.73; số khung PLHJA 3613EY 015670; số máy JA36E-0049365 và giấy đăng ký xe máy mang tên Lò Văn Phụng.

Vật chứng trên đã được niêm phong và bàn giao sang Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 20/5/2017 giữa cơ quan Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo Quàng Văn T được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 15/6/2017); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Nhà tạm giữ C.A huyện ĐBĐ;
- THADS huyện Đ;
- Phòng NVHS CA Đ;
- Phòng KTNV- THA TA tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS C.A tỉnh;
- Sở Tư Pháp tỉnh Điện Biên;
- Người bào chữa;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ THA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Tiến Phương